

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔ CHỨC BÁCH Á
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔ CHỨC BÁCH Á

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BACH A ORGANIZER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107689255

3. Ngày thành lập: 30/12/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 27, phố Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: - Hoạt động của các khu săn bắt và câu cá thể thao; - Hoạt động hỗ trợ cho câu cá và săn bắn mang tính thể thao hoặc giải trí. - Hoạt động liên quan đến đến thúc đẩy các sự kiện thể thao;	9319
2.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
3.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
4.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
5.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
6.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

7.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.	5629
8.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
9.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
10.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
11.	Cho thuê xe có động cơ	7710
12.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
13.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
14.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
15.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
16.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
17.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
18.	Bán buôn đồ uống	4633
19.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
20.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
21.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
22.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
23.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
24.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
25.	Giáo dục tiểu học	8520
26.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
27.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;	8559
28.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
29.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219

30.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
31.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
32.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
33.	Sản xuất máy luyện kim	2823
34.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
37.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
38.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
39.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
40.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
41.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
42.	Sản xuất nhạc cụ	3220
43.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
44.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
45.	Xây dựng nhà các loại	4100
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
47.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
48.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
49.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
51.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
52.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
53.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
54.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
55.	Điều hành tua du lịch	7912
56.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

57.	Hoạt động bảo vệ cá nhân	8010
58.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
59.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
60.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
61.	Lập trình máy vi tính	6201
62.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
63.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
64.	Sản xuất sợi	1311
65.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
66.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
67.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
68.	Sản xuất giày dép	1520
69.	Sao chép bản ghi các loại	1820
70.	Vận tải bằng xe buýt	4920
71.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
72.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
73.	Bốc xếp hàng hóa	5224
74.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
75.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
76.	In ấn	1811
77.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
78.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
79.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
80.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
81.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
82.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
83.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
84.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
85.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
86.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội thất	7410
87.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
88.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
89.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
91.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
92.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
93.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610

94.	Xây dựng công trình công ích	4220
95.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
96.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
97.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
98.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
99.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
100.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
101.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
102.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
103.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
104.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
105.	Phá dỡ	4311
106.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
107.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
108.	Bán mô tô, xe máy	4541
109.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
110.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
111.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
112.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
113.	Giáo dục mầm non	8510
114.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
115.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
116.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
117.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
118.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
119.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
120.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
121.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
122.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
123.	Hoạt động thú y	7500

124.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí;	9329
125.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
126.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
127.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
128.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
129.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
130.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
131.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
132.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
133.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
134.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
135.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
136.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
137.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
138.	Quảng cáo	7310
139.	Bán buôn thực phẩm	4632
140.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lã	4634
141.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
142.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
143.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
144.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
145.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
146.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
147.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
148.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
149.	Cơ sở lưu trú khác	5590
150.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420

151.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
152.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
153.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
154.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
155.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
156.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
157.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
158.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
159.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
160.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
161.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
162.	Dịch vụ đóng gói (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8292
163.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
164.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
165.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
166.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
167.	Bán buôn gạo	4631
168.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
169.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
170.	Cổng thông tin	6312
171.	Đại lý du lịch	7911
172.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
173.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
174.	Dịch vụ điều tra	8030
175.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
176.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
177.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
178.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
179.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
180.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

181.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
182.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
183.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
184.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
185.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
186.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
187.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
188.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
189.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
190.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
191.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
192.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000

6. Vốn điều lệ: 1.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ NHƯ NHUNG	Số 27 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	3,125	011994621	
			Tổng số	5.000	50.000.000	3,125		
2	NGUYỄN THỊ THANH TÚ	Số 53 Hàng Gai, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	3,125	012124691	
			Tổng số	5.000	50.000.000	3,125		
3	VĂN HOÀI THU	Số nhà 6A, ngõ 34A, phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	93,750	012318446	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	93,750		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VĂN HOÀI THU**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *29/10/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012318446*

Ngày cấp: *19/06/2010* Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 6A, ngõ 34A, phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 6A, ngõ 34A, phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội